

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../ .../ 20...

Class: GE8

Tel: 038 255 2594

GLOBAL ENGLISH 8: UNIT 8 – HABITANT INTERACTIONS

VOCABULARY 1

A. VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1*	sort of /sɔ:rt/	loại, thứ, hạng	20	dim (adj) /dɪm/	lờ mờ, âm u
2*	surface (n) /'sɜ:rfɪs/	bề mặt	21*	in other words /wɜ:rd/	nói cách khác
3*	rainwater (n) /'reɪnwɔ:tər/	nước mưa	22	household (n) /'haʊshəʊld/	hộ gia đình
4	breathe (v) /bri:ð/	thở	23	appliance (n) /ə'plaɪəns/	thiết bị, dụng cụ
5	anti-malaria (n) /mə'lerɪə/	chống bệnh sốt rét	24*	junkyard (n) /'dʒʌŋkjɑ:rd/	bãi phế liệu
6	mist (n) /mɪst/	hơi nước, sương mù	25	on the edge of /edʒ/	ở phía bờ/ rìa
7*	carbon dioxide (n) /ˌkɑ:rbən daɪ'ɑ:ksaɪd/	khí CO ₂	26	be full of /fʊl/	đầy đủ
8*	take up (phr.v) = occupy (v) /'ɑ:kjʊpaɪ/	chiếm	27	cattle (n) /'kætl/	gia súc
9	combine with /kəm'baɪn/	kết hợp với	28*	torch (n) /tɔ:rtʃ/	ngọn đuốc, đèn pin
10	release (v) /ri'li:s/	thải ra	29*	be scared of /skɛrd/	sợ hãi
11*	glucose (n) /'glu:kəʊs/	đường glu-cô-zơ	30	stay away (phr.v) /steɪ/	tránh
12*	process (n) /'prɑ:sɪs/	quá trình	31	bulb (n) /bʌlb/	bóng đèn tròn
13	photosynthesis (n) /ˌfəʊtəʊ'sɪnθə'sɪs/	sự quang hợp	32	wire (n) /waɪə/	dây điện
14	respiration (n) /ˌrespə'reɪʃn/	sự hô hấp	33	give the impression /ɪm'preʃn/	tạo ấn tượng
15	stay alive /ə'laɪv/	sống sót	34	not only... but also	không những... mà còn
16*	combination (n) /ˌkɑ:m'bɪ'neɪʃn/	sự kết hợp	35*	adopt one's idea /ə'dɑ:pt/	chấp nhận, thông qua ý kiến của ai đó
17	change into (phr.v) /tʃeɪndʒ/	chuyển hóa thành	36*	predator (n) /'predətər/	động vật ăn thịt

18	sunlight (n) /'sʌnlait/	ánh nắng mặt trời	37	herd (n) /hɜ:rd/	bầy, đàn
19	take in (phr.v) /teɪk/	hấp thụ	38	link... with... /lɪŋk/	liên kết ... với ...

Từ vựng mở rộng

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1*	sparkle (v) /'spɑ:rkɪ/	lấp lánh	2*	atmosphere (n) /'ætməsfiə/	bầu khí quyển, bầu không khí

***Note:** n = noun (danh từ); v = verb (động từ); adj = adjective (tính từ)

phr.v = phrasal verb (cụm động từ); từ có ký hiệu * có 2 cách phát âm

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

B. HOMEWORK

***Note:** DO NOT apply short forms (contractions) in sentences.

Use “was not/ do not/ have not...” instead of “wasn’t/ don’t/ haven’t...”

I. Match the words with their definitions.

0. process	A. the glass part that fits into an electric lamp, etc. to give light when it is switched on
1. photosynthesis	B. a process by which organisms (= living things) produce energy from food, typically using oxygen
2. bulb	C. the process by which green plants turn carbon dioxide and water into food using energy obtained from light from the sun
3. respiration	D. a small electric lamp that you can hold in your hand and carry with you
4. torch	E. a series of actions that you take in order to achieve a result

0 - <u>E</u>	1 - _____	2 - _____	3 - _____	4 - _____
--------------	-----------	-----------	-----------	-----------

II. Complete the sentence with correct word or phrase in brackets.

0. All plants and animals need energy to stay alive. (stay alive/ stay away)

1. I won't _____ any more of your time. (take up/ take in)

2. Our uncle is taking care of a _____ of cows. (cattle/ herd)

3. The oxygen is _____ into the air through the leaves. (released/ combined)

4. Michael is _____ going out alone at night. (scared of/ full of)

5. These machines are the newest _____ in my house. (junkyards/ appliances)

III. Complete these sentences with the words given in the box.

<u>surface</u>	sort	sunlight	wires	predator	carbon dioxide
----------------	------	----------	-------	----------	----------------

0. We could see fish swimming just below the surface.

1. The lake sparkled in the bright _____.
2. A _____ is an animal that hunts or kills other animals for food.
3. Richard used some bulbs and _____ to set up a series of flash lights.
4. There has been a sudden rise in the level of _____ in the atmosphere.
5. We both like the same _____ of music.

IV. Unscramble the words in each sentence.

0. Plants/ carbon dioxide/ their leaves./ the air/ in/ from/ take/ through

→ Plants take in carbon dioxide from the air through their leaves.

1. their energy/ glucose and oxygen./ the combination/ Plants/ from/ get/ of

→ _____

2. Daisy's idea/ has/ to protect/ being destroyed./ been/ from/ the farm/ adopted

→ _____

3. two parrots./ but also/ He/ not only/ has/ a dog

→ _____

4. busy./ the impression/ They/ of/ very/ give/ being

→ _____

V. Correct the underlined mistake in each sentence.

0. My uncle turned off the light to make the room bright.

on

1. His father drives just as faster as he does.

2. She helps her mom to wash off the dishes.

3. Kate's room is further tidier than mine.

4. Can you give me the chop board? I'm going to cut these tomatoes.

5. This apartment is many more convenient than that one.

PET 7 – TEST 2 – PART 2

Con làm bài nghe tại link sau: <https://youtu.be/A2fMoc3LIY8>

Listening

Part 2

Questions 8–13

You will hear a radio interview with a man called Harry Park, who is talking about the adventure travel company he runs.

For each question, put a tick (✓) in the correct box.

- | | |
|--|--|
| 8 Harry first became interested in adventure travel because his father | A ☐ gave him adventure stories to read. |
| | B ☐ worked in a travel company. |
| | C ☐ talked a lot about the places he'd been to. |
| 9 Harry decided to start an adventure travel company because he | A ☐ wanted to share his experience with others. |
| | B ☐ thought he could make a lot of money. |
| | C ☐ hoped to do more travelling himself. |
| 10 Who suggested the name for Harry's company? | A ☐ a friend |
| | B ☐ a customer |
| | C ☐ his wife |
| 11 When Harry visits a place, he tries to | A ☐ give the local people jobs. |
| | B ☐ take modern equipment. |
| | C ☐ avoid damaging the area. |

Test 2

12 What does Harry say about doing dangerous things?

A ☐ It's part of his job.

B ☐ It's frightening.

C ☐ It's enjoyable.

13 What is Harry's favourite place?

A ☐ a mountain

B ☐ a building

C ☐ a river